

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 544/2024/DSPT

Ngày: 09/9/2024

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Như Lâm

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Minh Hoàng

Ông Vũ Viết Văn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 239/2024/TLPT-DS ngày 17/7/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 353/2024/QĐXX-PT ngày 24/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 478/2024/QĐHPT-PT ngày 16/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V (VIB)

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, tòa nhà S, phường B, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn N V – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Hoàng T H – Cán bộ Ngân hàng V; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Nguyễn V T; sinh năm: 1991; vắng mặt tại phiên tòa.

2.2. Chị Nguyễn T D; sinh năm 1991; vắng mặt tại phiên tòa.

Anh T, chị D cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn V T; sinh năm: 1991; vắng mặt tại phiên tòa.

3.2. Chị Nguyễn T D; sinh năm: 1991; vắng mặt tại phiên tòa.

Anh T, chị D cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

3.3. Ông Đặng V C; sinh năm: 1956; vắng mặt tại phiên tòa

3.4. Bà Hoàng T K; sinh năm: 1965; vắng mặt tại phiên tòa.
Ông C, bà K cùng địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội.

3.5. Bà Kiều T T; sinh năm 1941; vắng mặt tại phiên tòa.

3.6. Anh Đặng Đ T; sinh năm: 1985; vắng mặt tại phiên tòa.

3.7. Chị Nguyễn T L; sinh năm: 1989; vắng mặt tại phiên tòa.

3.8. Cháu Đặng D K; sinh năm: 2010; vắng mặt tại phiên tòa.

3.9. Cháu Đặng D N; sinh năm: 2017; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật là anh Đặng Đức Tường và chị Nguyễn T L là bố mẹ đẻ của cháu K và cháu N.

Bà T, anh T, chị L, cháu K, cháu N cùng địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Ngân hàng V (VIB) – Là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/6/2021, Ngân hàng V (sau đây gọi tắt là VIB) với anh Nguyễn V T và vợ là Nguyễn T D ký kết Hợp đồng tín dụng số 5151746.21 với nội dung: VIB đồng ý cho Anh T - chị D vay số tiền 1.280.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng); Mục đích cấp tín dụng: để đáp ứng nhu cầu nhận chuyển nhượng bất động sản; Thời hạn vay: 360 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày khoản vay được giải ngân. Hợp đồng tín dụng còn ghi rõ thỏa thuận về lãi suất, phí, mức lãi suất.

VIB đã thực hiện giải ngân cho Anh T – chị D số tiền 1.280.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng) theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5151746 (1).21 ngày 21.6.2021 (sau đây gọi tắt là Khế ước nhận nợ).

Ngoài ra, ngày 21/6/2021, VIB đã chấp thuận cấp thẻ tín dụng cho anh Nguyễn V T với hạn mức 128.000.000đ (Một trăm hai mươi tám triệu đồng) theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế, Bản chấp thuận về điều kiện và điều khoản sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, ngày 25/6/2021 tại Văn phòng công chứng Hà Đông, thành phố Hà Nội, Anh T – chị D đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 4810 quyền số 03/2021 TP/CC-SCC/HĐGD (sau đây gọi tắt là Hợp đồng thế chấp). Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất của thửa đất số 425, tờ bản đồ số 36 tại địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội và các công trình xây dựng phụ trợ thuộc sở hữu của Anh T - chị D, vật phụ, hoa lợi, lợi tức, các quyền phát sinh từ tài sản thế chấp,.... Thửa đất này đã được UBND huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Thành phố Hà Nội) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 817935, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02060/QSĐĐ/3323/QĐ-UB ngày 31/12/2007 cho ông Đặng V C. Ngày 21/6/2021, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Thạch Thất xác nhận chuyển nhượng thửa đất cho Anh T – chị D theo hồ sơ số 002060.CN.006. Ngày 25/6/2021,

các bên đã thực hiện việc đăng kí thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng kí đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Thạch Thất.

Quá trình thực hiện hợp đồng Anh T – chị Duyên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi nên một phần khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 5151746.21 đã bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/02/2023 và thẻ tín dụng đã bị khóa. Do đó, VIB khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai giải quyết các nội dung sau:

1. Buộc ông Anh T – chị D phải thanh toán cho VIB tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 06/6/2023 (theo đơn khởi kiện) là 1.530.547.924đ, trong đó:

- Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 5151746.21: Nợ gốc: 1.215.950.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 66.694.026đ; Nợ lãi quá hạn 1.080.031đ; Tổng: 1.283.724.057đ.

- Dư nợ theo thẻ tín dụng: Nợ gốc: 184.077.428đ; Nợ lãi quá hạn: 42.942.228đ; Phí 19.804.211đ. Tổng: 246.823.867đ.

2. Buộc Anh T – chị D phải tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 07/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và Đề nghị phát hành thẻ đã ký.

3. Trường hợp Anh T – chị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì VIB có quyền tự phát mại tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm đã nêu ở trên để thu hồi nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho VIB. Nếu thiếu thì Anh T – chị D vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho VIB.

Bị đơn – anh Nguyễn V T trình bày: Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định. Anh không có ý kiến gì và xin được vắng mặt tại các phiên tòa.

Bị đơn – chị Nguyễn T D trình bày:

Chị xác nhận chị và chồng Nguyễn V T có đứng tên trong Hợp đồng tín dụng để vay của VIB số tiền 1.280.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng). Thực chất, vợ chồng chị chỉ đứng tên để vay tiền của VIB hộ bạn Anh T (là con trai ông Đặng V C) chứ anh chị không được sử dụng số tiền này. Chính ông C cũng nói nhờ vợ chồng chị đứng tên hộ để vay tiền. Tài sản thế chấp cho VIB là thửa đất đứng tên ông C, như nêu trong hồ sơ vụ án. Ông C làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất cho vợ chồng chị mục đích để vợ chồng chị đứng ra làm thủ tục thế chấp. Nay VIB khởi kiện, chị không có ý kiến gì. Theo chị, việc trả nợ VIB là do gia đình ông C nên chị đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Đặng V C và bà Hoàng T K trình bày:

Thửa đất số 425, tờ bản đồ số 36 tại địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội đã được UBND huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Thành phố Hà Nội) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 817935, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02060/QSDĐ/3323/QĐ-UB ngày 31/12/2007 cho ông Đặng V C. Ông C chuyển nhượng thửa đất này cho Anh T – chị D mục đích để làm thủ tục vay tiền ngân hàng cho con trai Đặng Văn Thanh. Do đã chuyển nhượng nên ông bà không sinh sống ở thửa đất này. Hiện gia đình đang cố gắng thu xếp tài chính để trả nợ cho

ngân hàng thay Anh T – chị D, để rút tài sản bảo đảm về. Trường hợp không thể tất toán được khoản vay trước khi mở phiên tòa, ông bà đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông bà đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Đặng Đ T trình bày:

Thửa đất số 127 tờ bản đồ số 17 tại địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội đã được Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 774324, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS-TTh 02422 ngày 11/11/2016 đứng tên anh. Do thửa đất này của anh và thửa đất số 425, tờ bản đồ số 36 của ông Đặng V C (là chú ruột anh) liền kề với nhau nên hai gia đình đã thỏa thuận đổi một phần diện tích đất cho nhau để hai bên được thuận tiện hơn trong quá trình sử dụng thửa đất. Việc đổi đất được hai gia đình lập thành biên bản ngày 21/3/2015, có sự chứng kiến của trưởng thôn Phú Lễ và có xác nhận của UBND xã Cần Kiệm, huyện Thạch Thất nhưng sau đó anh chưa làm thủ tục đăng ký biến động về diện tích của thửa đất. Do đó, sơ đồ thửa đất số 127 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh là theo sơ đồ cũ. Sau khi đổi đất thì gia đình anh đã xây dựng nhà bê tông 2 tầng, 1 phần ngôi nhà nằm trên diện tích đất ông C đổi cho. Hiện vợ chồng anh cùng mẹ là bà Kiều T T và 02 con đang sinh sống tại thửa đất này.

Anh không biết việc ông C đã chuyển nhượng thửa đất số 425, tờ bản đồ số 36 cho người khác và không biết hiện thửa đất đang là tài sản thế chấp tại VIB. Nếu trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 425, tờ bản đồ số 36 thì anh đề nghị chỉ xử lý đối với phần diện tích thực tế còn lại của thửa đất, không xử lý phần diện tích đất đã đổi cho gia đình anh. Anh đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn T L (vợ anh T) trình bày: Chị hoàn toàn nhất trí với với ý kiến của anh Đặng Đ T và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Kiều T T (mẹ anh T) trình bày:

Bà xác nhận việc gia đình bà và ông Đặng V C có thỏa thuận đổi một phần diện tích đất cho nhau (khi đó chồng bà là ông Đặng Văn Nho vẫn còn sống). Bà nhớ là việc đổi đất này được lập thành văn bản. Đây là sự thống nhất của hai gia đình, từ trước đến nay không có tranh chấp gì nên bà từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với anh Nguyễn V T và chị Nguyễn T D.

2. Buộc anh Nguyễn V T và chị Nguyễn T D phải trả Ngân hàng V số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 5151746.21 ngày 21/6/2021 và Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 5151746 (1).21 ngày 21.6.2021, tạm tính đến ngày 29/3/2024 là 1.510.735.855đ (Một tỷ năm trăm mười triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 1.215.950.000đ (Một tỷ hai trăm mười lăm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 83.002.921đ (Tám mươi ba triệu không trăm linh hai nghìn chín trăm hai mươi một đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 211.782.934đ (Hai trăm mười một triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng).

Buộc anh Nguyễn V T phải trả Ngân hàng V số tiền vay theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 21/6/2021 và Bản chấp thuận về điều kiện và điều khoản sử dụng thẻ tín dụng VIB, tạm tính đến ngày 29/3/2024 là 329.276.630đ (Ba trăm hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 184.077.428đ (Một trăm tám mươi tư triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 90.512.374đ (Chín mươi triệu năm trăm mười hai nghìn ba trăm bảy mươi tư đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 54.686.828đ (Năm mươi tư triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi tám đồng).

3. Kể từ ngày 30/3/2024 anh Nguyễn V T và chị Nguyễn T D còn tiếp tục phải trả lãi đối với số tiền chưa trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5151746.21 ngày 21/6/2021 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5151746 (1).21 ngày 21.6.2021, Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 21/6/2021 và Bản chấp thuận về điều kiện và điều khoản sử dụng thẻ tín dụng VIB, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng V thì lãi suất mà anh Nguyễn V T và chị Nguyễn T D phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng V.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp anh Nguyễn V T và chị Nguyễn T D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất do Văn phòng công chứng Hà Đông, Thành phố Hà Nội công chứng số 4810 quyền số 03/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/6/2021, đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Thạch Thất ngày 25/6/2021, để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 425, tờ bản đồ số 36 tại địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội được UBND huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Thành phố Hà Nội) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 817935, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02060/QSDĐ/3323/QĐ-UB ngày 31/12/2007 cho ông Đặng V C. Ngày 21/6/2021, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Thạch Thất xác nhận chuyển nhượng thửa đất cho Anh T – chị D theo hồ sơ số 002060.CN.006.

Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế còn lại tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm (sau khi trừ phần diện tích 14,9m² được giới hạn bởi các điểm b,c,d,4,3,3',b), (Có sơ đồ kèm theo bản án).

Khi xử lý tài sản bảo đảm, các đương sự, những người đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, sinh sống tại tài sản bảo đảm có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cơ quan xử lý tài sản bảo đảm.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì anh Nguyễn V T và chị Nguyễn T D vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng V đến khi trả xong nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, ngày 06/4/2024 Ngân hàng V – Là nguyên đơn nộp đơn kháng cáo (đề ngày 02/4/2024), kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa một phần Quyết định của bản án sơ thẩm về việc kê biên, phát mại tài sản cụ thể đối với phần công trình xây dựng chồng lấn trên diện tích đất đã thế chấp cho VIB, yêu cầu hộ ông Trương phải có trách nhiệm tháo dỡ trong quá trình cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Hoàng T H trình bày Ngân hàng V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai theo hướng Ngân hàng được kê biên phát mại toàn bộ tài sản thế chấp.

Các Đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam (VIB) khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là anh Nguyễn V T và vợ Nguyễn T D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố H, thị trấn Q,

huyện Q, Thành phố Hà Nội theo đúng địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng. Căn cứ các quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai thụ lý giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm là có căn cứ.

Tại phiên tòa cấp sơ thẩm bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị được vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án theo quy định theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị được vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những đương sự này.

[2]. Về hình thức:

Ngày 29/3/2024 Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai xét xử sơ thẩm và tuyên án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 06/4/2024 Ngân hàng V (VIB) – Là nguyên đơn nộp đơn kháng cáo là trong thời hạn quy định tại Khoản 1 điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự, VIB đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo nên về hình thức là hợp lệ, vụ án được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của Ngân hàng V (VIB).

Ngày 21/6/2021, vợ chồng anh Nguyễn V T – chị Nguyễn T D đã ký với VIB Hợp đồng tín dụng số 5151746.21 để vay số tiền 1.280.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng); Mục đích cấp tín dụng: để đáp ứng nhu cầu nhận chuyển nhượng bất động sản tại Thôn P, xã C, huyện T, Hà Nội. Hợp đồng tín dụng còn ghi rõ thỏa thuận của các bên về thời hạn vay, phương thức trả nợ gốc, lãi, mức lãi suất,... Ngày 21/6/2021, VIB đã thực hiện giải ngân cho Anh T – chị D số tiền 1.280.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng) theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 5151746 (1).21.

Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 21/6/2021 của anh Nguyễn V T, VIB đã ban hành Bản chấp thuận về điều kiện và điều khoản sử dụng thẻ tín dụng VIB với nội dung chấp thuận cấp thẻ tín dụng cho anh Nguyễn V T với hạn mức 128.000.000đ (Một trăm hai mươi tám triệu đồng). Ngày 31/3/2022, VIB đã chấp thuận tăng hạn mức của thẻ tín dụng lên là 192.000.000đ (Một trăm chín mươi hai triệu đồng).

Các chủ thể đã tự nguyện thỏa thuận ký kết các Hợp đồng tín dụng theo hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại Điều 385, 401 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 14 và 16 Điều 4, Điểm a Khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017. Do đó, hợp đồng tín dụng số 5151746.21, khế ước nhận nợ và hợp đồng thẻ tín dụng nêu trên phát sinh hiệu lực đối với các bên và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng giữa vợ chồng Anh T, chị D và VIP, các bên đương sự không có tranh chấp về dư nợ gốc của các khoản vay.

- Thời hạn vay của Hợp đồng tín dụng số 5151746.21 là 360 tháng kể từ ngày 22/6/2021, đến ngày 21/6/2051 Anh T – chị D phải tất toán khoản vay. Căn cứ bản sao kê tài khoản thể hiện tạm tính đến ngày 29/3/2024, Anh T – chị D đã thanh toán được 64.050.000đ nợ gốc. Đến nay anh chị không trả tiếp nợ gốc, hiện dư nợ gốc là 1.215.950.000đ (Một tỷ hai trăm mười lăm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

- Thời hạn vay của thẻ tín dụng là 36 tháng. Căn cứ bản sao kê dư nợ thì từ sau ngày 17/11/2022 Anh T không thực hiện thêm giao dịch nào từ thẻ tín dụng và cũng không nộp tiền trả cho VIB. Tạm tính đến ngày 29/3/2024, dư nợ gốc của thẻ tín dụng là 184.077.428đ (Một trăm tám mươi tư triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng).

VIP khởi kiện yêu cầu Buộc Anh T – chị D phải thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 5151746.21 là 1.215.950.000 đồng (Một tỷ hai trăm mười lăm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng); Buộc Anh T phải trả cho VIB nợ gốc của thẻ tín dụng tính đến ngày 29/3/2024 là 184.077.428đ (Một trăm tám mươi bốn triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng) và số tiền lãi của hai khoản nợ trên và nếu hai vợ chồng Anh T, chị D không trả được tiền nợ gốc và nợ lãi thì thì Ngân hàng V có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất do Văn phòng công chứng Hà Đông, Thành phố Hà Nội công chứng số 4810 quyền số 03/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/6/2021, đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Thạch Thất ngày 25/6/2021, để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 425, tờ bản đồ số 36 tại địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội được UBND huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Thành phố Hà Nội) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 817935, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02060/QSDĐ/3323/QĐ-UB ngày 31/12/2007 cho ông Đặng V C. Ngày 21/6/2021, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Thạch Thất xác nhận chuyển nhượng thửa đất cho Anh T – chị D theo hồ sơ số 002060.CN.006.

Sau khi xét xử sơ thẩm chỉ có Ngân hàng V kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc kê biên, phát mại tài sản cụ thể đối với phần công trình xây dựng chồng lấn trên diện tích đất đã thế chấp cho VIB, yêu cầu hộ ông Tường phải có trách nhiệm tháo dỡ trong quá trình cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản.

Hội đồng xét xử xét thấy về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm thu hồi nợ của Ngân hàng V cấp sơ thẩm có nhận định:

“...Ngày 25/6/2021, vợ chồng anh Nguyễn V T và chị Nguyễn T D cùng với VIB ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và được Văn phòng công chứng Hà Đông, Thành phố Hà Nội công chứng số 4810 quyền số 03/2021 TP/CC-SCC/HĐGD. Theo đó, Anh T – chị D đồng ý thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất của thửa đất số 425, tờ bản đồ số 36 tại địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội và các công trình xây dựng phụ trợ thuộc sở hữu của Anh T - chị D, vật phụ,

hoa lợi, lợi tức, các quyền phát sinh từ tài sản thế chấp,... Thửa đất này đã được UBND huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Thành phố Hà Nội) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 817935, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02060/QSDĐ/3323/QĐ-UB ngày 31/12/2007 cho ông Đặng V C. Ngày 21/6/2021, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Thạch Thất xác nhận chuyển nhượng thửa đất cho Anh T – chị D theo hồ sơ số 002060.CN.006.

Các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng thế chấp có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; Hợp đồng đảm bảo về nội dung và hình thức theo quy định của pháp luật; Ngày 25/6/2021, các bên đã thực hiện việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Thạch Thất. Do đó Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật đất đai 2013, Điều 295 và 298 Bộ luật dân sự 2015. Hợp đồng thế chấp phát sinh hiệu lực và có giá trị pháp lý đối với các bên kể từ thời điểm đăng ký thế chấp.

Tại Điều 9 của Hợp đồng thế chấp nêu rõ thỏa thuận của các bên khi xảy ra sự kiện vi phạm và xử lý tài sản bảo đảm. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017, Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ Quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, Điều 299 Bộ luật dân sự 2015. Như vậy, yêu cầu của VIB về việc xử lý tài sản bảo đảm nói trên để thu hồi nợ trong trường hợp Anh T – chị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện VIB đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm là toàn bộ diện tích của thửa đất số 425 tờ bản đồ số 36 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 817935 cấp ngày 31/12/2007 và yêu cầu gia đình anh T phải tháo dỡ công trình đã xây dựng chồng lấn lên diện tích thửa đất 425 tờ bản đồ số 36 là không phù hợp. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/11/2023 thấy trên thửa đất 425 tờ bản đồ số 36 có một nhà cấp 4 đã cũ, sân, cổng và 02 cây ăn quả. Theo ông C trình bày, nhà được xây dựng từ khoảng năm 1944. Vì đã chuyển nhượng nhà đất này cho Anh T – chị D nên hiện ông và gia đình không sinh sống ở đây nhưng do gia đình chưa chuyển bàn thờ gia tiên đi nên thỉnh thoảng buổi tối vợ chồng ông mới về đây ngủ. Mặt khác, ông C, anh T và bà T đều xác nhận năm 2015 hai gia đình đã thỏa thuận đổi cho nhau một phần diện tích đất. Theo *“Biên bản đổi đất ở”* lập giữa hai gia đình vào ngày 21/3/2015 tức *“ngày 02/02 năm Ất Mùi”* mà anh T cung cấp cho Tòa án, việc đổi đất cụ thể như sau: *“ông C cho ông Nho (bố anh T) dịch lên đằng sau nhà trên của ông Nho tiếp giáp với sân nhà ông C thuộc phía Bắc là 0,70cm; ông Nho lùi vào 1m tường hậu nhà bếp liền với cổng nhà ông C thuộc phía Tây. Mục đích đổi để ông Nho rộng lòng nhà trên ra một chút và ông C mở rộng cổng ra để ô tô ra vào được”*. Biên bản đổi đất ở này có xác nhận của trưởng thôn Phú Lễ, UBND xã Cần Kiệm. Căn cứ kết quả đo đạc hiện trạng đối với tài sản bảo đảm do Công ty cổ phần phát triển công nghệ đo đạc và bản đồ Hà Nội thực hiện thấy: hiện nay phần diện tích đất thuộc thửa đất số 425 tờ bản đồ số 36 mà

ông C đã đổi cho nhà anh T là 14,9m² được giới hạn bởi các điểm (b,c,d,4,3,3',b) và một phần ngôi nhà gia đình anh T xây dựng nằm trên phần diện tích đất này; Tại vị trí công ra vào của thửa đất số 425 tờ bản đồ số 36 để đi ra đường đi chung của thôn bao gồm một phần diện tích đất của thửa đất số 425 tờ bản đồ số 36 và 8,0m² được giới hạn bởi các điểm (a,b,7,8,a) là thuộc đất của thửa đất số 127 tờ bản đồ số 17 (đất của anh T) (Có sơ đồ kèm theo).

Như vậy, việc ông C và gia đình anh T thỏa thuận đổi đất cho nhau đã được thực hiện cách thời điểm ông C chuyển nhượng đất cho vợ chồng Anh T – chị D và cách thời điểm vợ chồng Anh T – chị D ký thế chấp thửa đất số 425 tờ bản đồ số 36 cho VIB là 6 năm. Mặc dù sau khi đổi đất, gia đình ông C và gia đình anh T không tiến hành thủ tục đăng kí biến động về diện tích của thửa đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng hai gia đình không có tranh chấp, sử dụng thửa đất ổn định cho đến nay với hiện trạng đúng như hiện trạng tại thời điểm Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Như vậy, hiện trạng của thửa đất số 425 tờ bản đồ số 36 tại thời điểm thế chấp cho VIB đã không đúng theo sơ đồ thửa đất thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 817935 cấp ngày 31/12/2007 và Ngân hàng đã đồng ý cho Anh T – chị D thế chấp thửa đất số 425 tờ bản đồ số 36 với hiện trạng đó. Mục 3.2 trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nói trên, tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 425 tờ bản đồ số 36 và *“các công trình xây dựng phụ trợ thuộc sở hữu của bên B”* (là bên thế chấp). Hiện nay trên phần diện tích 14,9 m² là phần móng và tường hậu của ngôi nhà bê tông 2 tầng do gia đình anh T xây dựng ngay sau thời điểm hai gia đình đổi đất, là phần không thể tách rời của ngôi nhà, không thuộc sở hữu của bên thế chấp (Anh T – chị D). Nếu phá dỡ như đề nghị của đại diện VIB sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ kết cấu ngôi nhà. Anh T đề nghị trong trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm, không xử lý đối với phần diện tích mà ông C đã thỏa thuận đổi cho gia đình anh. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của VIB về việc yêu cầu gia đình anh T phải có trách nhiệm tháo dỡ phần công trình nhà xây chồng lấn lên trên diện tích 14,9m² của thửa đất số 425 tờ bản đồ số 36. Trong trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất số 425 tờ bản đồ số 36, cần tách diện tích 14,9m² (được giới hạn bởi các điểm b,c,d,4,3,3',b) để các bên giải quyết sau theo quy định của pháp luật. Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế còn lại tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được sử dụng để trả nợ cho VIB. Nếu không đủ thì Anh T – chị D vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VIB đến khi trả hết nợ.

Khi xử lý tài sản bảo đảm, các đương sự, những người đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, sinh sống tại tài sản bảo đảm có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cơ quan xử lý tài sản bảo đảm.

Quá trình giải quyết vụ án, Anh T – chị D, ông C – bà K, bà T không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật về việc chuyển

nhượng đất và đổi đất như đã nêu...” để chấp nhận một phần yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm thu hồi nợ của Ngân hàng là có căn cứ.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội không kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng V (VIB).

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về án phí:

4. 1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 67.200.374đ (Sáu mươi bảy triệu hai trăm nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. VIB không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền 28.958.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Quốc tế Nam (VIB) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 308; Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 295, 298, 299, 385, 401 và 466 Bộ Luật Dân sự 2015.
- Các Điều 4, 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017.
- Khoản 3 điều 167 Luật đất đai 2013;
- Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ Quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.
- Điều 7 và 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội và quyết định cụ thể như sau:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với anh Nguyễn V T và chị Nguyễn T D.

1.2. Buộc anh Nguyễn V T và chị Nguyễn T D phải trả Ngân hàng V số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 5151746.21 ngày 21/6/2021 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5151746 (1).21 ngày 21.6.2021, tạm tính đến ngày 29/3/2024 là 1.510.735.855đ (Một tỷ năm trăm mười triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 1.215.950.000đ (Một tỷ hai trăm mười lăm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 83.002.921đ (Tám mươi ba triệu không trăm linh hai nghìn chín trăm hai mươi một đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 211.782.934đ (Hai trăm mười một triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng).

Buộc anh Nguyễn V T phải trả Ngân hàng V số tiền vay theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 21/6/2021 và Bản chấp thuận về điều kiện và điều khoản sử dụng thẻ tín dụng VIB, tạm tính đến ngày 29/3/2024 là 329.276.630đ (Ba trăm hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 184.077.428đ (Một trăm tám mươi tư triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 90.512.374đ (Chín mươi triệu năm trăm mười hai nghìn ba trăm bảy mươi tư đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 54.686.828đ (Năm mươi tư triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi tám đồng).

1.3. Kể từ ngày 30/3/2024 anh Nguyễn V T và chị Nguyễn T D còn tiếp tục phải trả lãi đối với số tiền chưa trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5151746.21 ngày 21/6/2021 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5151746 (1).21 ngày 21.6.2021, Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 21/6/2021 và Bản chấp thuận về điều kiện và điều khoản sử dụng thẻ tín dụng VIB, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng V thì lãi suất mà anh Nguyễn V T và chị Nguyễn T D phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng V.

1.4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp anh Nguyễn V T và chị Nguyễn T D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất do Văn phòng công chứng Hà Đông, Thành phố Hà Nội công chứng số 4810 quyền số 03/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/6/2021, đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Thạch Thất ngày 25/6/2021, để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 425, tờ bản đồ số 36 tại địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội được UBND huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Thành phố Hà Nội) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 817935, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02060/QSDĐ/3323/QĐ-UB ngày 31/12/2007 cho ông Đặng V C. Ngày 21/6/2021, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Thạch Thất xác nhận chuyển nhượng thửa đất cho Anh T – chị D theo hồ sơ số 002060.CN.006.

Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế còn lại tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm (sau khi trừ phần diện tích 14,9m² được giới hạn bởi các điểm b,c,d,4,3,3',b), (Có sơ đồ kèm theo bản án).

Khi xử lý tài sản bảo đảm, các đương sự, những người đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, sinh sống tại tài sản bảo đảm có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cơ quan xử lý tài sản bảo đảm.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì anh Nguyễn V T và chị Nguyễn T D vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng V đến khi trả xong nợ.

1.5. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập nên giành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí sơ thẩm:

Anh Nguyễn V T và chị Nguyễn T D phải chịu 67.200.374đ (Sáu mươi bảy triệu hai trăm nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền 28.958.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000767 ngày 10/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quốc Oai.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng V (VIB) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng V đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0019963 ngày 09/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, nay chuyển thành án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện Quốc Oai;
- THADS huyện Quốc Oai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Như Lâm

